về số học sinh tiêu biểu được lựa chọn từ số học sinh giỏi của trường, trên cơ sở xét tổng hợp nhiều mặt giáo dục, rèn luyện và các hoạt động khác.

Điều 14. Trách nhiệm của giáo viên phụ trách lớp

1. Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định.

2. Công bố kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, xếp loại học lực cho học sinh, cha mẹ hoặc người giám hộ và ghi đủ vào các loại hồ sơ quản lý học sinh theo quy định; có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn các ý kiến của học sinh về kết quả đánh giá xếp loại.

3. Hoàn thành hồ sơ về đánh giá, xếp loại học sinh, bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh cho giáo viên phụ trách lớp kế tiếp.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền lợi của học sinh

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường tiểu học; tiếp thu sự giáo dục của nhà trường để luôn tiến bộ.

2. Có quyền được nêu ý kiến và nhận được sự giải thích, hướng dẫn của giáo viên phụ trách lớp, của hiệu trưởng nhà trường khi thấy mình chưa được đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, công bằng./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Thứ trưởng

Đặng Huỳnh Mai

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 89/2004/TT-BTC ngày 03/9/2004 hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Thi hành Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ phát triển như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

1.1. Chủ đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế có các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc được Quỹ Hỗ trợ phát triển bảo lãnh tín dụng đầu tư (sau đây gọi chung là các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước) gặp khó khăn về tài chính và trả nợ vay do nguyên nhân khách quan bất khả kháng; giải thể, phá sản; Nhà nước điều chỉnh chính sách.

1.2. Doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng chuyển đổi sở hữu, tổ chức sắp xếp lại, xử lý khó khăn về tài chính có các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước từ Quỹ hỗ trợ phát triển.

1.3. Quỹ Hỗ trợ phát triển.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638686

2. Phạm vi xử lý rủi ro:

2.1. Nợ quá hạn hoặc toàn bộ dư nợ vay của các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan bất khả kháng; giải thể, phá sản; Nhà nước điều chỉnh chính sách.

2.2. Việc xử lý phần nợ quá hạn hay toàn bộ dư nợ vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào mức độ thiệt hại, nguyên nhân dẫn đến rủi ro và khả năng trả nợ của chủ đầu tư.

3. Biện pháp xử lý rủi ro:

3.1. Gia hạn nợ;

3.2. Khoanh nợ;

3.3. Miễn, giảm lãi vay;

3.4. Xóa nợ (gốc và lãi).

4. Nguyên tắc xử lý rủi ro:

4.1. Việc xem xét, xử lý rủi ro chỉ được thực hiện đối với các dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan thuộc đối tượng và phạm vi nêu trên.

4.2. Việc xem xét, xử lý rủi ro phải gắn với đối tượng vay vốn, mức độ thiệt hại trên cơ sở đề nghị của Chủ đầu tư (hoặc đại diện của bên vay vốn) có xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4.3. Một dự án có thể được áp dụng đồng thời nhiều biện pháp xử lý rủi ro. Căn cứ vào kết quả phân loại nợ theo nguyên nhân dẫn đến rủi ro để áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp theo quy định.

4.4. Các khoản nợ đã được xử lý theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng điều chỉnh tại Thông tư này.

5. Thời điểm xem xét xử lý rủi ro:

5.1. Trường hợp Chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thuộc diện chuyển đổi sở hữu, tổ chức sắp xếp lại, xử lý khó khăn về tài chính, việc xem xét xử lý rủi ro được thực hiện vào trước thời điểm chuyển đổi doanh nghiệp.

5.2. Trường hợp Chủ đầu tư gặp rủi ro do nguyên nhân bất khả kháng; giải thể, phá sản; do Nhà nước điều chỉnh chính sách, việc xem xét xử lý rủi ro được thực hiện theo đợt trên cơ sở đề nghị của Quỹ Hỗ trợ phát triển và chấp thuận của Bộ Tài chính.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Phân loại nợ theo nguyên nhân rủi ro:

1.1. Do nguyên nhân khách quan bất khả kháng, bao gồm:

a) Chủ đầu tư gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, tai nạn bất ngờ làm cho dự án vay vốn bị thiệt hại về tài sản;

b) Chủ đầu tư bị chết, mất tích không có người thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật, không còn tài sản để trả nợ sau khi đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ;

c) Chủ đầu tư đã có quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638686

thẩm quyền, sau khi thanh lý tài sản theo quy định không còn nguồn để trả nợ;

1.2. Do Nhà nước điều chỉnh chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của chủ đầu tư dẫn đến tình trạng khó khăn trong quá trình trả nợ vay, cụ thể:

a) Dự án bị cấm sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, mất nguồn cung cấp nguyên liệu;

b) Dự án đã đầu tư nhưng bị đình chỉ không đưa vào hoạt động hoặc ngừng hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

1.3. Xử lý khó khăn về tài chính do chuyển đổi:

Chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước thuộc diện cổ phần hóa, giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Biện pháp xử lý rủi ro:

Việc xử lý rủi ro được căn cứ vào mức độ thiệt hại và khả năng tài chính của từng chủ đầu tư, cụ thể:

2.1. Gia hạn nợ

Gia hạn nợ là biện pháp thực hiện điều chỉnh thời hạn ân hạn, thời hạn, kỳ hạn trả nợ và mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn.

Áp dụng cho trường hợp dự án bị thiệt hại do nguyên nhân nêu tại tiết a điểm 1.1 nhưng chủ đầu tư vẫn có khả năng trả nợ và các trường hợp quy định tại điểm 1.2, điểm 1.3 khoản 1 Phần II.

2.2. Khoanh nợ

Khoanh nợ là biện pháp tạm thời chưa thu nợ gốc trong một thời gian nhất định và không tính lãi trên số nợ gốc được khoanh trong thời gian đó.

Áp dụng cho trường hợp dự án bị thiệt hại do nguyên nhân nêu tại tiết a điểm 1.1 nhưng chủ đầu tư vẫn có khả năng trả nợ và các trường hợp quy định tại điểm 1.2, điểm 1.3 khoản 1 Phần II.

2.3. Miễn, giảm lãi tiền vay

Miễn, giảm lãi tiền vay là biện pháp miễn không thu hoặc chỉ thu một phần nợ lãi quá hạn phải trả theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Quỹ Hỗ trợ phát triển và chủ đầu tư.

Áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Phần II.

2.4. Xóa nợ

Xóa nợ là biện pháp không thu nợ gốc và nợ lãi (nếu có) đối với chủ đầu tư gặp rủi ro sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán.

Áp dụng cho các trường hợp quy định tại tiết b, c và tiết a điểm 1.1 khoản 1 Phần II nhưng chủ đầu tư không còn khả năng trả nợ sau khi đã tận thu mọi nguồn có khả năng thanh toán. Trường hợp chủ đầu tư thuộc đối tượng cổ phần hóa nêu tại điểm 1.3 khoản 1 Phần II thì chỉ thực hiện xóa nợ lãi và tổng số nợ lãi được xóa tối đa bằng số lỗ lũy kế đến thời điểm cổ phần hóa.

3. Hồ sơ xử lý rủi ro:

3.1. Gia hạn nợ:

Việc đề nghị xem xét, điều chỉnh thời hạn ân hạn; thời hạn, kỳ hạn trả nợ và

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638686

mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn được thực hiện theo quy định của Tổng giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển.

3.2. Khoanh nợ:

a) Văn bản đề nghị khoanh nợ của chủ đầu tư hoặc người đại diện của bên vay vốn theo quy định của pháp luật;

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý về đề nghị khoanh nợ của chủ đầu tư (đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước);

c) Phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh khả thi và kế hoạch trả nợ sau khi được khoanh nợ của chủ đầu tư có sự chấp thuận của Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển.

d) Báo cáo tài chính 2 năm gần nhất;

đ) Hợp đồng tín dụng, khế ước vay vốn, bản đối chiếu dư nợ đến thời điểm đề nghị xử lý có xác nhận của Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển.

e) Trường hợp chủ đầu tư bị thiệt hại một phần tài sản, phải có biên bản xác nhận thiệt hại theo quy định tại điểm 3.4 khoản 3 Phần II.

g) Đối với trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sở hữu, ngoài những hồ sơ trên cần gửi kèm Quyết định chuyển đổi sở hữu của cấp có thẩm quyền;

3.3. Miễn, giảm lãi vay:

a) Văn bản đề nghị miễn, giảm lãi tiền vay của chủ đầu tư hoặc người đại diện của bên vay vốn theo quy định của pháp luật;

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý về đề nghị miễn, giảm lãi vay của chủ đầu tư (đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước);

c) Báo cáo tài chính doanh nghiệp 2 năm gần nhất;

d) Hợp đồng tín dụng, khế ước vay vốn, bản đối chiếu xác nhận dư nợ đến thời điểm đề nghị xử lý;

đ) Trường hợp chủ đầu tư bị thiệt hại một phần tài sản, phải có biên bản xác nhận thiệt hại theo quy định tại điểm 3.4 khoản 3 Phần II.

3.4. Xóa nợ:

a) Văn bản đề nghị xóa nợ của chủ đầu tư hoặc đại diện của bên vay vốn theo quy định của pháp luật.

b) Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên theo phân cấp quản lý về đề nghị xóa nợ của chủ đầu tư (đối với chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước);

c) Biên bản xác định thiệt hại do chủ đầu tư lập, ghi rõ mức độ (số lượng) và giá trị thiệt hại có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương vào thời điểm xảy ra thiệt hại, cụ thể:

- Đối với doanh nghiệp: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường (xã) nơi xảy ra thiệt hại; xác nhận của cơ quan có chức năng cấp tỉnh, thành phố (cơ quan phòng chống bão lụt, cơ quan thú y, bảo hiểm... tùy từng trường hợp cụ thể); xác nhận của Sở Tài chính; xác nhận của Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển; xác

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

- Đối với Hợp tác xã: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường (xã) nơi xảy ra thiệt hại; cơ quan chức năng có liên quan cấp quận (huyện) (cơ quan phòng chống bão lụt, cơ quan thú y, bảo hiểm... tùy từng trường hợp cụ thể); Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển và Ủy ban nhân dân cấp quận (huyện);

- Đối với tư nhân, cá thể, hộ sản xuất kinh doanh: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường (xã); Công an phường (xã); Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển.

d) Hợp đồng tín dụng, khế ước vay vốn, bản đối chiếu dư nợ đến thời điểm đề nghị xử lý có xác nhận của Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển.

đ) Quyết định giải thể của cấp có thẩm quyền hoặc Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án, báo cáo Quyết toán giải thể doanh nghiệp (trường hợp doanh nghiệp giải thể) hoặc Quyết toán thanh lý tài sản (trường hợp doanh nghiệp phá sản).

e) Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh chủ đầu tư đã chết, mất tích, bị tai nạn không còn khả năng lao động có xác nhận của cơ quan công an nơi quản lý hồ sơ hộ khẩu; xác nhận của Ủy ban nhân dân phường (xã) nơi chủ đầu tư cư trú về việc không còn tài sản để trả nợ, không có người thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật.

g) Đối với trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi sở hữu, ngoài những hồ sơ trên cần gửi kèm Quyết định chuyển đổi sở hữu của cấp có thẩm quyền.

4. Trình tự, thủ tục xử lý rủi ro

4.1. Chủ đầu tư có các khoản nợ đề nghị xử lý có trách nhiệm lập bộ hồ sơ theo quy định và gửi đến Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển nơi giao dịch.

4.2. Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển kiểm tra, có ý kiến bằng văn bản về đề nghị xử lý rủi ro gửi về Quỹ Hỗ trợ phát triển kèm theo bộ hồ sơ xử lý nợ của chủ đầu tư.

4.3. Quỹ Hỗ trợ phát triển kiểm tra, tổng hợp các đề nghị của Chủ đầu tư và Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất các biện pháp xử lý rủi ro gửi Bộ Tài chính.

4.4. Bộ Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4.5. Căn cứ quyết định xử lý rủi ro của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Quỹ hỗ trợ phát triển hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo quy định.

5. Thẩm quyền và trách nhiệm xử lý rủi ro:

5.1. Quỹ Hỗ trợ phát triển:

a) Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển xem xét và quyết định gia hạn nợ đối với từng dự án tối đa bằng 1/3 thời hạn cho vay đã ghi trong Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu tiên; tổng thời gian cho vay và thời gian gia hạn nợ không vượt quá thời hạn cho vay tối đa đối với từng loại đối tượng theo quy định.

b) Quỹ Hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét gia hạn nợ đối với các dự án có

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

tổng thời gian gia hạn nợ và thời gian cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định.

c) Hướng dẫn chủ đầu tư lập hồ sơ xử lý rủi ro theo quy định; kiểm tra hồ sơ xử lý rủi ro và tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính; tổ chức thực hiện các quyết định xử lý rủi ro của cấp có thẩm quyền.

5.2. Bộ Tài chính:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức thẩm tra đề nghị xử lý rủi ro của Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định gia hạn nợ đối với các dự án có tổng thời gian gia hạn nợ và thời gian cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định, khoanh nợ, miễn và giảm lãi vay, xóa nợ cho chủ đầu tư.

b) Thông báo kết quả và hướng dẫn Quỹ Hỗ trợ phát triển tổ chức thực hiện xử lý rủi ro theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Đề xuất phương án xử lý trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

III. NGUỒN XỬ LÝ RỦI RO

1. Việc trích, lập quỹ dự phòng rủi ro được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 106/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Căn cứ vào quyết định xử lý rủi ro của Thủ tướng Chính phủ, Quỹ Hỗ trợ phát triển sử dụng quỹ dự phòng rủi ro đã trích bù đắp cho các trường hợp:

a) Nợ gốc được xóa;

b) Phần chênh lệch thiếu giữa dư nợ gốc vay vốn tín dụng đầu tư tại Quỹ Hỗ trợ phát triển đến thời điểm xử lý rủi ro với khoản tiền thu hồi được khi bán nợ.

Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp, Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

3. Khoản lãi không thu được do khoanh nợ và xóa nợ được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển hướng dẫn, tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản lý, Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển, Chủ đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế có dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thứ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09638686